

Số : 658 / CV-NN-TC.

Yên Bái, ngày 3 tháng 9 năm 2008

V/v Hướng dẫn thủ tục để thanh toán, quyết toán kinh  
phí cấp bù thuỷ lợi phí được miễn

Kính gửi : - UBND các Huyện, Thị xã, Thành phố.  
- Công ty TNHH : Nghĩa Văn, Tân Phú, Đại Lợi.

Thực hiện Nghị định số 154/2007/NĐ- CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/ NĐ- CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Pháp lệnh quản lý khai thác và bảo vệ công trình Thuỷ lợi. Thông tư số 26/2008/TT-BTC Ngày 28/3/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 154/2007/ NĐ- CP. Quyết định số 807/ QĐ- UBND ngày 22/ 5/2008 về việc phê duyệt đề án tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình Thuỷ lợi theo Nghị định số 154/2007/ NĐ- CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ.

Để thống nhất thủ tục cho việc thanh toán và quyết toán kinh phí cấp bù Thuỷ lợi phí được miễn cho các đơn vị Quản lý thuỷ nông và bảo vệ công trình thuỷ lợi. Liên Sở Nông nghiệp & PTNT-Sở Tài chính đề nghị UBND các Huyện, Thị xã, Thành phố chỉ đạo Phòng Nông nghiệp & PTNT, Phòng Tài chính-Kế hoạch, Kho bạc nhà nước, các công ty TNHH, trạm QLTN, các ban QLTN xã, Phường, Thị trấn thực hiện nghiêm túc các thủ tục, hướng dẫn theo nội dung sau:

1. Hợp đồng dịch vụ tưới tiêu.
2. Nghiệm thu thanh lý hợp đồng tưới và cấp bù Thuỷ lợi phí.
3. Hợp đồng thực hiện khối lượng Quản lý Khai thác công trình.
4. Nghiệm thu khối lượng thực hiện theo hợp đồng khối lượng QLKTCT Thuỷ lợi.
5. Chế độ quản lý tài chính.  
( Có hướng dẫn và biểu mẫu chi tiết kèm theo )

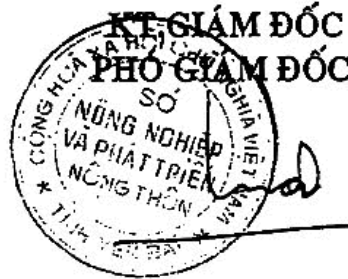
Sở Nông nghiệp & PTNT-Sở Tài chính đề nghị UBND các Huyện, Thị xã, Thành phố chỉ đạo các đơn vị QLTN& BVCTTL thực hiện tích cực nội dung trên để làm cơ sở cho việc cấp phát thanh quyết toán, cấp bù Thuỷ lợi phí được

miễn năm 2008 và các năm tiếp theo. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- UBND Tỉnh ( BC);
- Phòng NN và PTNT huyện, TX, TP;
- Phòng KH-TC huyện, TX, TP;
- Lưu Sở NN & PTNT; Sở TC.

**SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT**



**Đinh Đăng Luận**

**SỞ TÀI CHÍNH**



**Lương Đoàn Nghĩa**



Yên Bái, ngày 3 tháng 9 năm 2008

**HƯỚNG DẪN HỢP ĐỒNG, NGHIỆM THU, THANH LÝ, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ QLKT VÀ BẢO VỆ CTTL VỚI CÁC HỘ DÙNG NƯỚC.**  
(Kèm theo Công văn số: 658/ CV-NN và PTNT – TC ngày 3 tháng 9 năm 2008 của liên sở: Nông nghiệp và PTNT - Tài chính)

**I. HỢP ĐỒNG NGHIỆM THU – THANH LÝ .**

1. Mẫu 7.1: là mẫu hợp đồng dịch vụ tưới của ban QL thủy nông xã phường, thị trấn với thôn bản. Hợp đồng này có giá trị lâu dài nhiều năm; trong quá trình hợp đồng chỉ khi nào bên sử dụng nước có sự thay đổi về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi về diện tích và loại cây trồng hoặc cơ chế chính sách nhà nước thay đổi hai bên mới bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng lại (mẫu biểu này ký kết giữa Ban QLTN xã phường thị trấn với trường thôn, bản đại diện tập thể dùng nước)

2. Mẫu 7.1.1. Là mẫu biểu chi tiết hợp đồng diện tích tưới kèm theo hợp đồng Mẫu 7.1.

Mẫu 7.1.1 phải có chữ ký, xác nhận hợp đồng của tất cả các hộ nông dân dùng nước tưới đồng thời có sự ký kết chung giữa ban QLTN xã, phường, thị trấn với trường thôn bản..

3. Mẫu 7.2: Là mẫu hợp đồng dịch vụ tưới giữa công ty TNHH, trạm QLTN với ban QLTN xã, hoặc trường thôn bản, hộ dùng nước khác; hợp đồng này có giá trị lâu dài nhiều năm. Trong quá trình hợp đồng chỉ khi nào bên sử dụng nước có sự thay đổi về chuyển đổi mục đích sử dụng đất và loại cây trồng hoặc cơ chế chính sách của nhà nước có sự thay đổi hai bên mới bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng lại (mẫu biểu này ký kết giữa công ty TNHH, trạm QLTN với ban QLTN xã, phường, thị trấn, trường thôn, bản).

4. Mẫu 7.2.1: là mẫu biểu chi tiết hợp đồng tưới kèm theo hợp đồng Mẫu 7.2.

Mẫu 7.2.1: phải có chữ ký xác nhận hợp đồng của tất cả các hộ nông dân dùng nước tưới. Đồng thời có sự ký kết chung giữa Công ty TNHH, trạm QLTN với ban QLTN xã, phường, thị trấn hoặc trường thôn bản.

5. Mẫu 7.3: là mẫu biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng tưới và cấp bù thủy lợi phí của ban QLTN xã, phường, thị trấn với thôn, bản. Mẫu này được thực hiện mỗi vụ sản xuất 1 lần, kết quả dịch vụ tưới ghi rõ tổng diện tích tưới của từng công trình theo hợp đồng và thực tế nghiệm thu - thanh lý. Mẫu 7.3 được ký nghiệm thu thanh lý giữa 2 bên A-B dưới sự chủ trì của Phòng Nông nghiệp và PTNT (phòng Kinh tế) và xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn.



6. Mẫu 7.3.1: Là biểu kết quả tưới và cấp bù thủy lợi phí của mỗi vụ sản xuất. Biểu này ghi rõ từng công trình, từng hộ dùng nước với diện tích theo hợp đồng và thực tế tưới quy ra kinh phí được cấp bù cho bên A theo mức bù quy định của nhà nước từng thời điểm. Mẫu 7.3.1 phải được các hộ nông dân ký xác nhận diện tích được tưới.

7. Mẫu 7.4: là mẫu biên bản nghiệm thu – thanh lý hợp đồng tưới và cấp bù thủy lợi phí giữa công ty TNHH, trạm QLTN với Ban QLTN xã, phường, thị trấn, trưởng thôn, bản. Mẫu này được thực hiện mỗi vụ 1 lần. Kết quả dịch vụ tưới được ghi rõ từng công trình và diện tích tưới của từng công trình theo hợp đồng và diện tích tưới thực tế theo nghiệm thu – thanh lý. Mẫu 7.4 được ký nghiệm thu – thanh lý dưới sự chủ trì của phòng Nông nghiệp và PTNT có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn.

8. Mẫu 7.4.1: Là biểu kết quả tưới và cấp bù thủy lợi phí của mỗi vụ sản xuất (mỗi vụ 1 lần). Biểu này ghi rõ từng công trình, từng hộ dùng nước với diện tích theo hợp đồng và diện tích nghiệm thu – thanh lý thực tế tưới quy ra kinh phí được cấp bù cho bên A theo mức bù quy định của nhà nước từng thời điểm. Mẫu này được ký kết xác nhận A-B dưới sự chủ trì của phòng Nông nghiệp và PTNT (phòng Kinh tế) có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn.

Mẫu 7.4.1 phải được từng hộ nông dân ký xác nhận diện tích được tưới thực tế.

9. Mẫu 7.5: là mẫu hợp đồng giữa Công ty TNHH, trạm QLTN, Ban QLTN xã, phường, thị trấn với đại diện đơn vị thực hiện khối lượng hợp đồng. trong hợp đồng cần ghi rõ từng hạng mục công việc, khối lượng tạm tính theo hợp đồng, đơn giá theo hợp đồng (chú ý giá hợp đồng không theo giá XDCB của nhà nước mà phải theo giá thực tế thực tại địa phương).

10. Mẫu 7.5.1; là mẫu nghiệm thu khối lượng thực hiện hợp đồng của hợp đồng Mẫu 7.5. trong nghiệm thu cần xác định chính xác khối lượng đất đào, đất đắp, đá xây, bê tông, phát dọn, nạo vét, công phân dẫn nước và các công việc khác. Đơn giá nghiệm thu theo giá thực tế tại địa phương (không theo đơn giá xây dựng cơ bản của nhà nước). Trong nghiệm thu phải ấn định kinh phí thanh toán cho đơn vị thực hiện khối lượng hoàn thành; có xác nhận của cán bộ kỹ thuật thủy lợi đại diện phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND xã, phường, thị trấn.

## II. VỀ CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH :

1. Đối với các công ty TNHH nhà nước 1 thành viên làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, thực hiện quy chế quản lý tài chính theo Nghị định số 95/2006/NDD-CP ngày 8/9/2006 của Chính phủ và Thông tư số 24/2007/TT-BTC ngày 27/3/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế tài chính của Công ty TNHH 1 thành viên thuộc sở hữu nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội.

2. Các Ban quản lý thủy nông xã và trạm quản lý thủy nông.

Trước mắt trong năm 2008 các đơn vị thực hiện chi theo các nội dung sau:

a. Chi cho công tác quản lý của BQL :

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ.....  
BAN QLTN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HĐ-TN

....., ngày tháng năm 2008

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯỚI**

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước CHXHCN Việt nam ngày 27/6/2005.
- Căn cứ Nghị định số 154/2007/NĐ- CP ngày 15/10/2007 “sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều về Pháp lệnh QLKT và BVCTTL”
- Căn cứ Thông tư số 26/2008/TT-BTC ngày 28/03/2008 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 154/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi”
- Căn cứ Quyết định số 01/2005/QĐ-UB ngày 05/01/2005 của UBND tỉnh Yên Bái “Quy định thu và sử dụng thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Yên Bái”
- Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-UB ngày 22/05/2008 của UBND tỉnh Yên Bái Về việc: Phê duyệt Đề án Tổ chức quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo nghị định 154/2007/NĐ-CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ.

- Căn cứ vào yêu cầu dùng nước của các hộ dùng nước Thôn .....

- Căn cứ vào khả năng cung cấp nước của kênh. .... , công trình thủy lợi .....

Hôm nay tại trụ sở Ban QLTN xã :..... Thành phần gồm có:

**I. ĐẠI DIỆN BÊN A. (Bên cấp nước).**

Ông/ bà:..... Chức vụ:.....

Điện thoại số:..... Tài khoản số:.....

Tại: .....

Theo Quyết định số /QĐ-UB ngày..... của UBND huyện ..... về việc chuyển giao CTTL cho Ban QLTN xã quản lý sử dụng.

**II. ĐẠI DIỆN BÊN B ( Bên sử dụng nước).Thôn bản, hộ dùng nước.**

Ông/ bà:..... Chức vụ:.....



Điện thoại số:.....

Đại diện cho nhóm hộ dùng nước Thôn ..... xã .....

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tưới với nội dung như sau:

**Điều 1:** Ban QLTN xã ..... thực hiện nhiệm vụ tưới cho số diện tích:

TT	Tên công trình	hình thức tưới	Diện tích tưới (ha)				
			Tổng số	Tưới lúa		Tưới mầu	Tưới khác
				Đông xuân	Mùa		
1							
2							

(có biểu chi tiết kèm theo)

**Điều 2:** Trách nhiệm của các bên:

**I. Trách nhiệm của bên A (*Bên cấp nước*).**

Bên A có trách nhiệm cấp đủ nước tưới cho số diện tích đã nêu. Cùng với bên B theo dõi, kiểm tra quá trình tưới trong vụ sản xuất, bàn bạc thống nhất với Bên B lịch cấp nước, thông báo cho Bên B lịch mở nước, cắt nước khi có thay đổi.

Trước và trong vụ sản xuất phải tu sửa nạo vét kênh mương, đảm bảo dẫn nước đến mặt ruộng của hộ dùng nước theo yêu cầu sinh trưởng của các loại cây trồng trong phạm vi đơn vị phục vụ.

Tổ chức nghiệm thu chất lượng dịch vụ tưới trước khi kết thúc vụ sản xuất 15 ngày .

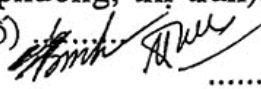
**II. Trách nhiệm của B (*Bên sử dụng nước*)**

Bên B có trách nhiệm sử dụng nước tiết kiệm, hợp lý. Cùng với Bên A bàn bạc thống nhất lịch cấp nước theo yêu cầu sinh trưởng của cây trồng trong phạm vi phục vụ của Bên A.

Tham gia nghiệm thu chất lượng dịch vụ tưới trước khi kết thúc vụ sản xuất 15 ngày.

Điều 3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có sự thay đổi về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thay đổi về diện tích và loại cây trồng thì hai bên sẽ bàn bạc thống nhất ký kết hợp đồng lại.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản, 01 bản gửi UBND xã (phường, thị trấn), 01 bản gửi phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (thị xã, thành phố)

 ....., ngày .....tháng ..... năm .....

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Mẫu 7.1.1

**BIỂU XÁC NHẬN DIỆN TÍCH TƯỚI THEO HỢP ĐỒNG**  
(Kèm theo Hợp đồng số /HĐ-TN, ngày tháng năm 200...)

STT	Tên công trình	Hình thức tưới	Diện tích tưới theo hợp đồng (ha)				Chủ hộ xác định diện tích hợp đồng tưới
	Hồ dùng nước		Tổng diện tích tưới (ha)	Diện tích tưới lúa (ha)	Diện tích tưới màu (ha)	Diện tích tưới khác (ha)	

09579583

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ .....  
BAN QLTN XÃ .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... /NT-TL

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU- THANH LÝ HỢP ĐỒNG**  
**Tưới và cấp bù thủy lợi phí**

Vụ: .....năm ..... – Ban QLTN xã: .....

- Căn cứ Hợp đồng số ...../HĐ-DN ký ngày ..... giữa Ban QLTN xã và nhóm hộ dùng thôn ..... về việc hợp đồng dịch vụ tưới và cấp bù thủy lợi phí.

- Căn cứ vào ý kiến đánh giá của Ban QLTN xã..... (bên A) và nhóm hộ dùng nước (bên B) về chất lượng cấp nước của bên A;

Hôm nay tại trụ sở Ban QLTN xã ....., thành phần gồm có:

**I. ĐẠI DIỆN BÊN A. BAN QLTN XÃ .....**

Ông/ bà:.....Chức vụ:.....

Điện thoại số:.....Tài khoản số:.....

Tại: .....

**II. ĐẠI DIỆN BÊN B ( Bên sử dụng nước).**

Ông/ bà:.....Chức vụ:.....

Điện thoại số:.....

Đại diện cho nhóm hộ dùng nước Thôn ..... xã .....

Sau khi xem xét diện tích thực tế các loại cây trồng được tưới, hai bên thống nhất nghiệm thu kết quả - thanh lý hợp đồng tưới cấp bù thủy lợi phí vụ ..... với các nội dung sau:

**I. Kết quả dịch vụ tưới:**

STT	Tên công trình	Hình thức tưới (Động lực, trọng lực)	Diện tích tưới theo hợp đồng (ha)			DT Thực hiện (ha)		
			Lúa	Mầu	Khác	Lúa	Mầu	Khác

(có phụ biểu chi tiết kèm theo)

+ Diện tích tăng (giảm) so với hợp đồng : .....

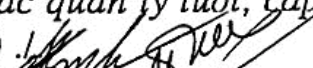


.....  
+ Nguyên nhân tăng (giảm).....  
.....

## II. Kết luận, kiến nghị.

1.....  
.....

2. Biên bản lập xong cùng ngày, có đọc lại cho các bên cùng nghe và cùng thống nhất ký dưới đây.

Biên bản được lập thành 06 bản. Mỗi bên giữ 02 bản, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (thị xã, thành phố) ....., UBND xã (phường, thị trấn) 01 bản (để tham gia thực hiện công tác quản lý tưới, cấp bù thủy lợi phí và bảo vệ công trình thủy lợi thuộc địa phương) .  


....., ngày .....tháng ..... năm .....

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

09579583

BIỂU KẾT QUẢ TƯỚI VÀ CẤP BÙ THUYẾT LỢI PHÍ VỤ..... NĂM.....  
(Kèm theo Biên bản nghiệm thu - thanh lý HĐ số /NT-TL ngày tháng năm 200...)

STT	Tên công trình Hộ dùng nước	Hình thức tưới	Diện tích tưới theo hợp đồng (ha)			diện tích tưới thực tế (ha)			Kinh phí cấp bù (đ)	Chủ hộ xác nhận DT được tưới
			Tổng diện tích tưới	Diện tích tưới lúa	Diện tích tưới màu	Tổng diện tích tưới	Diện tích tưới lúa	Diện tích tưới màu		

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

XÁC NHẬN UBND XÃ

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT



UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ .....  
BAN QLTN XÃ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : / HĐ - TN

Yên Bái, ngày tháng năm 2008.

**HỢP ĐỒNG**  
**Thi công khối lượng đảm bảo tưới**

Công trình ..... Thôn ..... Xã .....  
Huyện .....

Căn cứ Quyết định số: 807/ QĐ- UBND ngày 22/5/2008 của UBND Tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt Đề án tổ chức QLKT và Bảo vệ công trình Thuỷ lợi.

Theo Nghị định số154/2007/ NĐ- CP ngày 15/10/2007 của Chính phủ.

Căn cứ Quyết định số: ..... của UBND Huyện .....  
Về việc thành lập Ban quản lý Thuỷ nông xã .....

Căn cứ Quyết định số: ..... của UBND Huyện .....  
Về việc giao các công trình thuỷ lợi cho ban QLTN xã .....  
Quản lý, khai thác và bảo vệ CTTL.

Căn cứ yêu cầu QLKT & bảo vệ công trình thuỷ lợi .....

Hôm nay tại trụ sở ban QLTN xã .....

Thành phần gồm có:  
Bên A: Ban QLTN.

Ông: ..... chức vụ trưởng ban.  
Điện thoại số: ..... Tài khoản số tại kho bạc nhà nước .....

Bên B: .....

Ông: ..... Chức vụ .....  
Điện thoại số: ..... Tài khoản số tại kho bạc nhà nước .....

Hai bên thoả thuận hợp đồng khối lượng để đảm bảo tưới cho công trình .....  
Tưới ..... Ha. Thuộc thôn ..... Xã ..... Huyện.Thị, Thành phố .....  
Nội dung Xây lắp, đào đắp, nạo vét , phát dọn cụ thể như sau:

Điều 1: Bên A giao cho bên B thực hiện để đảm bảo tưới với khối lượng.

I. Đầu mối.

a- Khối lượng tạm tính:

- 1- Đất đào cấp: ..... m<sup>3</sup>.
- 2- Đất đắp : .....m<sup>3</sup>.
- 3- Xây gạch R ..... : ..... m<sup>3</sup>.
- 4- Xây đá R ..... : ..... m<sup>3</sup>.
- 5- Phát dọn ..... : ..... m<sup>2</sup>.
- 6- Phân dẫn nước : ..... công.

II. Kênh mương.

1. Đất đào cấp: ..... m<sup>3</sup>.
2. Đất đắp : .....m<sup>3</sup>.
3. Xây gạch R ..... : ..... m<sup>3</sup>.
4. Xây đá R ..... : ..... m<sup>3</sup>.
5. Phát dọn ..... : ..... m<sup>2</sup>.
6. Phân dẫn nước : ..... công.

III. Công trình trên kênh.

1. Đất đào cấp: ..... m<sup>3</sup>.
2. Đất đắp : .....m<sup>3</sup>.
3. Xây gạch R ..... : ..... m<sup>3</sup>.
4. Xây đá R ..... : ..... m<sup>3</sup>.
5. Phát dọn ..... : ..... m<sup>2</sup>.
6. Phân dẫn nước : ..... công.

b-Đơn giá từng hạng mục cụ thể như sau:

- Đất đào cấp: ..... đ/ m<sup>3</sup>.
- Đất đắp : ..... đ/ m<sup>3</sup>.
- Gạch xây : ..... đ/ m<sup>3</sup>.
- Đá xây : ..... đ/ m<sup>3</sup>.
- Phát dọn : ..... đ /m<sup>2</sup>.
- Phân dẫn nước : ..... đ/ công.

Điều 2: Trách nhiệm các bên.

1- Trách nhiệm bên A:

- Cùng bên B đến hiện trường xác định hạng mục khối lượng cần thực hiện.
- Kiểm tra quá trình thực hiện của bên B.



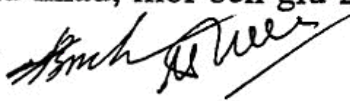
- Tổ chức nghiệm thu khối lượng khi bên B thực hiện hoàn thành.

2- Trách nhiệm bên B:

- Cùng bên A đến hiện trường xác định khối lượng đã thực hiện.
- Thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.
- Trong quá trình thực hiện phải thường xuyên liên lạc với bên A. Nếu có vấn đề, khó khăn phải trao đổi với bên A để thống nhất thực hiện.
- Sau khi thực hiện xong công việc cùng bên A thực hiện nghiệm thu theo kết quả thực tế hoàn thành.
- Nếu gây thiệt hại cho công trình phải bồi thường theo quy định của nhà nước.

Điều 3: Điều khoản thi hành.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu như có sự cố xảy ra như cấp đất đá, khối lượng công việc không phù hợp với hợp đồng thì hai bên thông báo cho nhau để thống nhất giải quyết các khó khăn vướng mắc cũng như bổ xung hợp đồng.
- Nếu bên nào vi phạm hợp đồng sẽ phải đền bù thiệt hại và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành.
- Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký hợp đồng, hợp đồng được lập thành 5 bản có nội dung như nhau, mỗi bên giữ 2 bản, 1 bản gửi phòng Nông nghiệp & PTNT Huyện./.



ĐẠI DIỆN BÊN A  
KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU

ĐẠI DIỆN BÊN B  
KÝ TÊN

UBND HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ .....  
BAN QLTN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NT-KL

Yên Bái, ngày tháng năm 2008

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG**  
**đảm bảo tươi**

Công trình : ..... Thôn..... xã.....

Thực hiện hợp đồng số: Ngày.....tháng ..... năm 2008 giữa Ban QLTN xã,  
phường, thị trấn với .....

Hôm nay ngày..... tháng ..... năm 200 .

Thành phần tham gia nghiệm thu :

1- Đại diện Ban QLTN xã, phường, thị trấn.

- Ông: ..... Trưởng ban.

- Ông: ..... Kế toán.

2- Đại diện người thực hiện hợp đồng.

- Ông: ..... Trưởng thôn, trưởng bản.

- Ông: .....

3- Đại diện phòng Nông nghiệp & PTNT.

- Ông: ..... Cán bộ kỹ thuật Thủy lợi.

4- Đại diện UBND xã.

- Ông: ..... Phụ trách Thủy lợi xã.

Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu ..... Kết thúc .....

Chúng tôi thống nhất nghiệm thu khối lượng, kinh phí theo bảng sau:

**BẢNG NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH**

TT	KHOẢN MỤC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Đầu mối				



1	Đất đào	m3			
2	Đất đắp	m3			
3	Bê tông	m3			
4	Đá xây	m3			
5	Phát dọn	m2			
6					
II	Kênh dẫn				
1	Đất đào	m3			
2	Đất đắp	m3			
3	Bê tông	m3			
4	Đá xây	m3			
5	Phát dọn	m2			
6					
III	CT trên kênh				
1	Đất đào	m3			
2	Đất đắp	m3			
3	Bê tông	m3			
4	Đá xây	m3			
5	Phát dọn	m2			
6					
7					

Đánh giá chất lượng: .....

Kết luận: Thi công đảm bảo đúng khối lượng và đạt yêu cầu kỹ thuật do Ban QLTN xã, phường, thị trấn giao.

Các thành viên hội đồng nghiệm thu thống nhất thanh toán số tiền là: .....

.....  
 .....  
 .....

Các thành viên nghiệm thu thống nhất ký tên.



**ĐẠI DIỆN BAN QLTN**

**NGƯỜI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

**PHÒNG NÔNG NGHIỆP & PTNT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

09579583